TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HÀ ĐÔNG
HÀ NỘI
❋❋❋

Bản án số: 38/2018/HNGĐ.
Ngày: 16/10/2018

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
N□ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền
- Hội thẩm nhân dân: + Bà Nguyễn Thị Thủy
  + Bà Nguyễn Thị Tiến
- Th- ký toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiểm - Cán bộ toà án.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông: Bà Chu Thị Quỳnh - KSV

Ngày 16 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hà Đông, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 267/2018/HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2018 về việc Ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2018/QDXX-HNGĐ ngày 7/9/2018 giữa các đ- ơng sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thu Tr, sinh năm 1982 Có mặt
- Bị đơn: Anh Trần Ngọc Đ, sinh năm 1983. Vắng mặt

Đều ĐKHK: 11C3, khối 8, phường V, quận H, thành phố Hà Nội
Đều trú tại: Số 27 đường Đ, phường C, quận H, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn ngày 3/5/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Tr trình bày: tôi và anh Trần Ngọc Đ tự nguyện kết hôn với nhau năm 2007, đăng ký kết hôn tại UBND phường C, quận H, thành phố Hà Nội. Từ khi kết hôn đến nay vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn do anh Đ không tu chí làm ăn, hay chơi bời lêu lổng không quan tâm đến gia đình; vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4/2018 đến nay. Nay tôi xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa nên đề nghị Tòa giải quyết cho tôi được ly hôn anh Đ.

+ Phía bị đơn anh Trần Ngọc Đ thừa nhận lời trình bày của chị Tr về thời điểm kết hôn, nơi đăng ký kết hôn là đúng; quá trình chung sống vợ chồng anh

đôi khi có to tiếng song thôi, đến ngày 22/4/2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do nhiều năm qua tôi không làm tròn bổn phận của người chồng, người cha. Hiện vơ tôi đã chuyển xuống nhà ông bà ngoại ở từ ngày 22/4/2018. Tôi không muốn bỏ vợ nhưng nếu cô Tr cương quyết xin ly hôn tôi cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: vợ chồng có hai con chung là:

1. Trần Ngọc Bảo A, sinh ngày 4/9/2007
2. Trần Ngọc Bảo M, sinh ngày 20/7/2009

Ly hôn chị Tr xin được nuôi cả hai con nhưng nếu anh Đ có nguyện vọng nuôi con thì chị đề nghị mỗi người nuôi một cháu; hiện chị đang nuôi cháu Bảo A, còn anh Đ nuôi cháu Bảo M vì vậy ly hôn chị đề nghị chị tiếp tục nuôi cháu Bảo A còn anh Đ nuôi cháu Bảo M; còn anh Đ không đồng ý giao chị Tr nuôi cả hai con, anh xin nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung và không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con hàng tháng

Về tài sản chung: Chị Tr và anh Đ đều trình bày vợ chồng tôi không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Chị Tr và anh Đ đều trình bày vợ chồng không vay nợ ai, cũng không cho ai vay nợ cả.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành yêu cầu chị Tr, anh Đ cung cấp chứng cứ chứng minh về điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Chị Tr đã giao nộp các giấy tờ chứng minh về thu nhập, nơi ở còn anh Đ không nộp tài liệu gì.

Tại phiên tòa, chị Tr vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh Đ và xin nuôi con; tài sản chung, công nợ chung Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán thực hiện đúng quy định của pháp luật; tại phiên tòa Hội đồng xét xử và nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh tố tụng dân sự còn bị đơn không chấp hành pháp luật không đến Tòa làm việc cũng không có mặt tại phiên tòa; về nội dung: cuộc sống hôn nhân của chị Tr, anh Đ có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã ly thân, xét tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, không thể hàn gắn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Tr, giải quyết cho chị Tr được ly hôn anh Đ; về con chung đề nghị giao mỗi người nuôi một con chung, chị Tr nuôi cháu Bảo anh; anh Đ nuôi cháu Bảo M, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai cả; tài sản chung, công nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa xem xét, giải quyết.

TÒA ÁN NHẬN ĐỊNH

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đ-ợc thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1] Về tố tụng: Tranh chấp trong vụ án này là Ly hôn, tranh chấp nuôi con nên căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Hà Đông giải quyết sơ thẩm.

Do bị đơn là anh Trần Ngọc Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt theo đúng quy định của pháp luật.

2} Về nội dung: Chị Nguyễn Thu Tr và anh Trần Ngọc Đ kết hôn ngày 27/4/2007, đăng ký kết hôn tại UBND phường C, quận H, thành phố Hà Nội nên xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị Tr xin ly hôn vì cho rằng trong quá trình chung sống anh Đ mải chơi bời, không quan tâm chăm sóc vợ con, đến 22/4/2018 vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng và đã sống ly thân từ đó đến nay. Thời gian sống ly thân không ai quan tâm đến ai, kinh tế độc lập. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn gì nữa, vợ chồng không thể hàn gắn với nhau được nữa nên đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ; còn anh Đ không đồng ý ly hôn nhưng nếu chị Tr cương quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn và từ đó cũng không lên Tòa làm việc. Tòa án nhân dân quận Hà Đông cũng tiến hành xác minh xác định: Vợ chồng chị Tr, anh Đ sống ở số 27 đường Đ, phường C, quận H, thành phố Hà Nội từ năm 2017; do vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nên từ mấy tháng nay vợ chồng sống ly thân. Hiện vợ chồng không còn chung sống với nhau nữa, chỉ có anh Đ và cháu Minh ở số 27 đường Đ, phường C, quận H, thành phố Hà Nội còn chị Tr và cháu Bảo A ở chỗ khác ở phường L, quận H, thành phố Hà Nội. Xét tình trạng quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thu Tr và anh Trần Ngọc Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận xử cho chị Nguyễn Thu Tr được ly hôn anh Trần Ngọc Đ.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là

1. Trần Ngọc Bảo A, sinh ngày 4/9/2007
2. Trần Ngọc Bảo M, sinh ngày 20/7/2009

Ly hôn cả chị Tr và anh Đ đều có nguyện vọng xin được nuôi con. Xét nguyện vọng nuôi con của chị Tr, anh Đ là chính đáng; tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án chị Tr đã xuất trình các tài liệu chứng cứ chứng minh điều kiện về nơi ở, thu nhập và sự hỗ trợ của gia đình khi ly hôn còn anh Đ không xuất trình

tài liệu chứng cứ chứng minh. Quá trình giải quyết vụ án, cháu Bảo A có nguyện vọng xin ở với mẹ, còn cháu Bảo M xin ở với bố nếu bố mẹ ly hôn; ; mặt khác xét thực tế cháu Bảo A là còn gái, đang ở với chị Tr, còn cháu Minh đang ở với anh Đ nên Hội đồng xét xử thấy để không gây ảnh hưởng, xáo trộn tới cuộc sống, học tập cũng như sinh hoạt của các cháu sau này cần giao cháu Trần Ngọc Bảo A, sinh ngày 4/9/2007 cho chị Nguyễn Thu Tr nuôi dưỡng, giao cháu Trần Ngọc Bảo M, sinh ngày 20/7/2009 cho anh Trần Ngọc Đ nuôi dưỡng chăm sóc là phù hợp

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Tr và anh Đ đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con hàng tháng nên ghi nhận sự tự nguyện chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Tr, anh Đ.

Chị Tr, anh Đ có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai đ- ợc cản trở.

Về tài sản chung, công nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về tài sản chung, công nợ chung.

Về án phí: Chị Tr phải nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật

Về quyền kháng cáo: đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 56; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147; 227; 271; 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

Xử:

1.Chị Nguyễn Thu Tr được ly hôn anh Trần Ngọc Đ.

2.Về con chung: Giao cháu Trần Ngọc Bảo A, sinh ngày 4/9/2007 cho chị Nguyễn Thu Tr nuôi dưỡng, chăm sóc.

Giao cháu Trần Ngọc Bảo M, sinh ngày 20/7/2009 cho anh Trần Ngọc Đ nuôi dưỡng, chăm sóc.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Tr, anh Đ chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho đến khi các bên có sự thoả thuận, thay đổi khác.

Chị Tr, anh Đ có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai đ- ợc cản trở.

3.Về tài sản chung, công nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

4.Về án phí ly hôn: Chị Tr phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm (đã nộp theo biên lai nộp tiền số 0001380 ngày 14/5/2018 tại chi cục thi hành án dân sự quận Hà Đông)

5. đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Hà Đông;
- THA quận Hà Đông;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Huyền